

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 21 đến 3/2/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

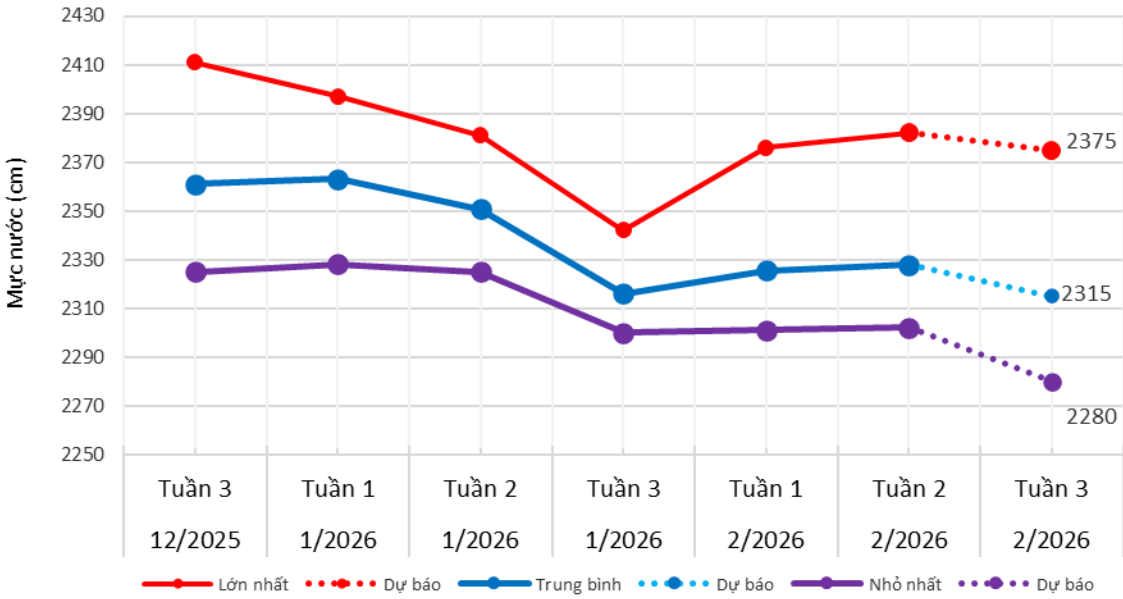
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước biến đổi chậm
- Sông Lô: Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

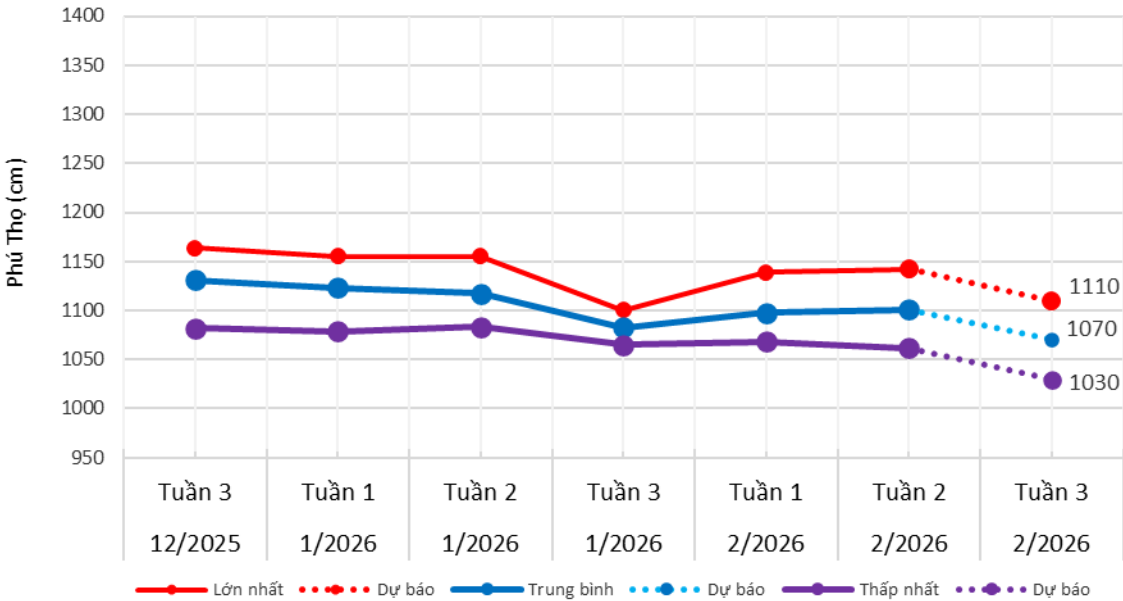
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 08 ngày tới, trên sông Thao mực nước tiếp tục biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

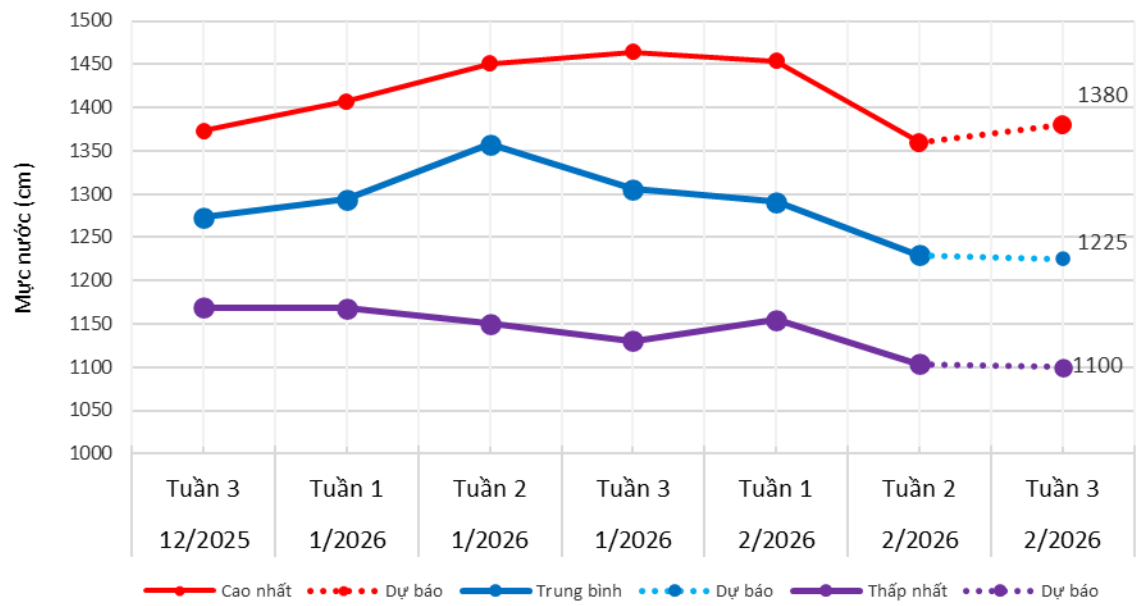
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



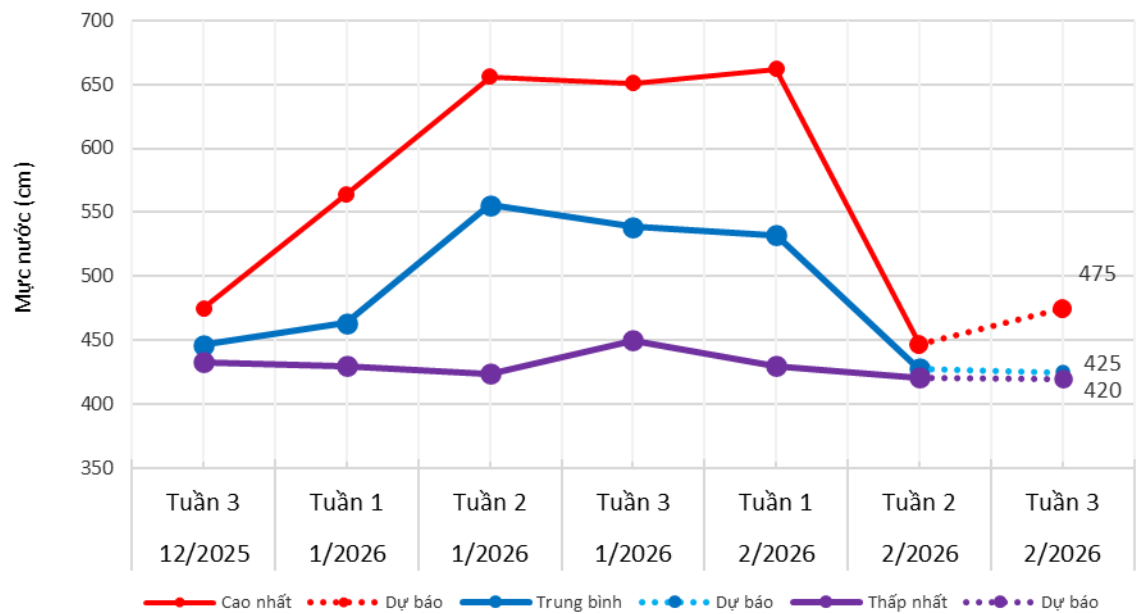
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

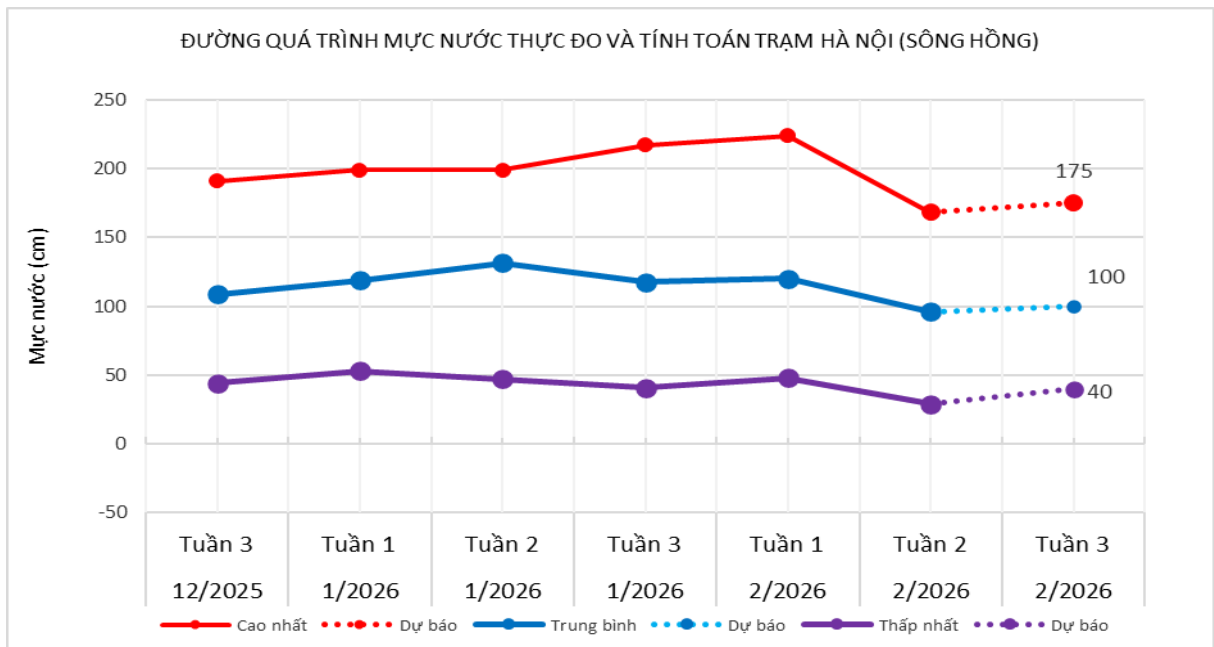
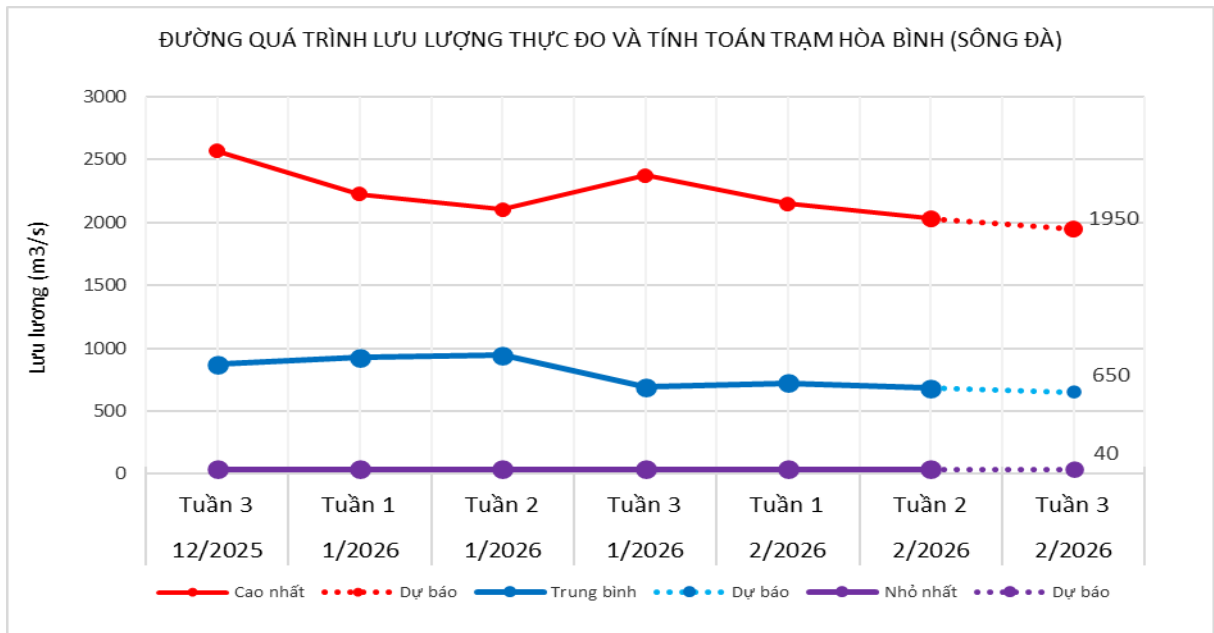


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỊ QUANG (SÔNG LÔ)





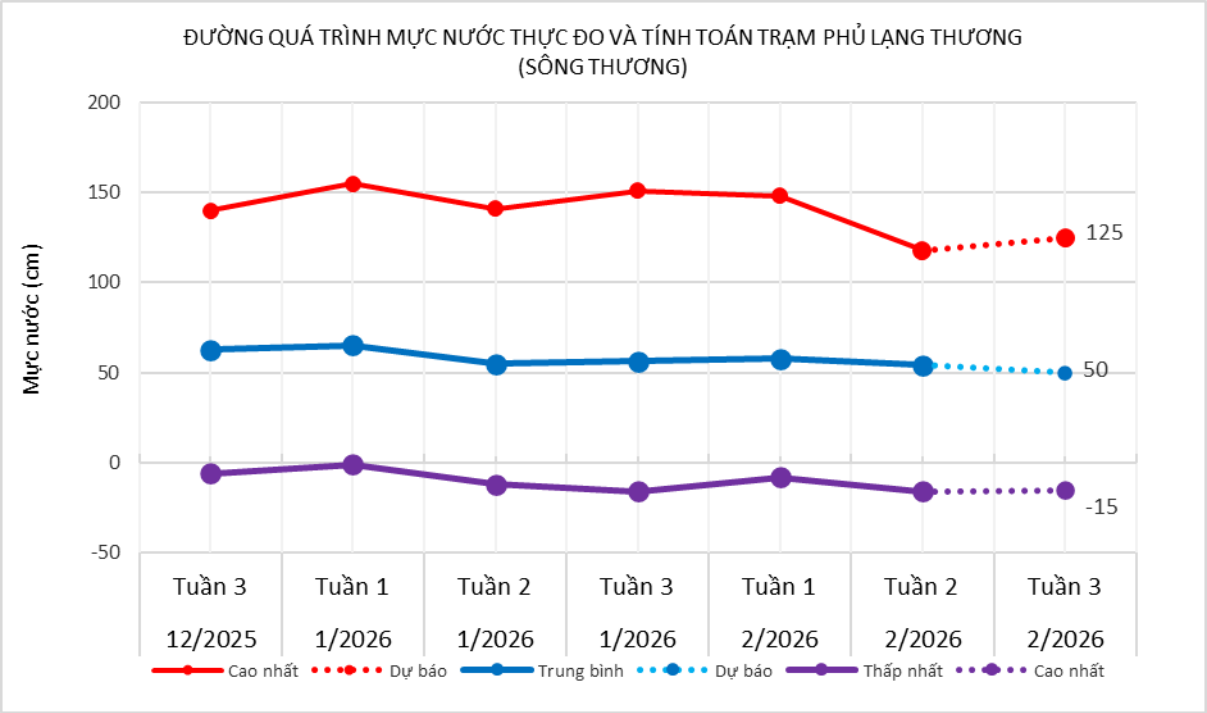
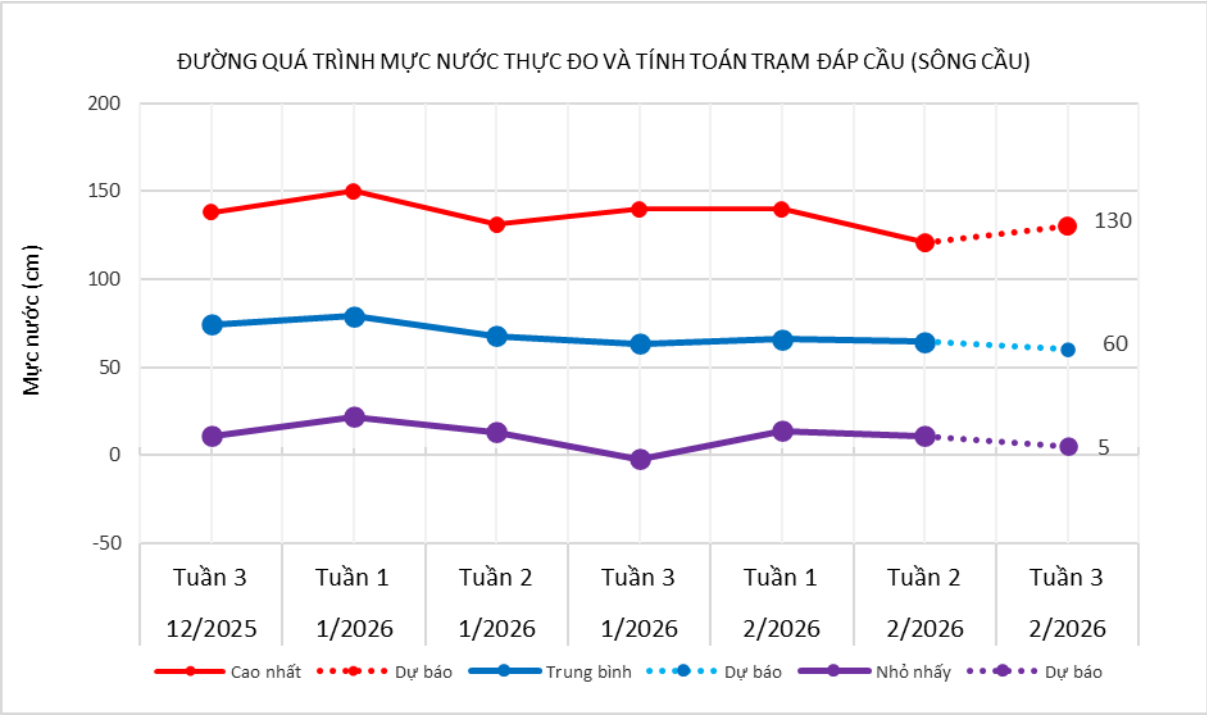
2. Lưu vực sông Thái Bình

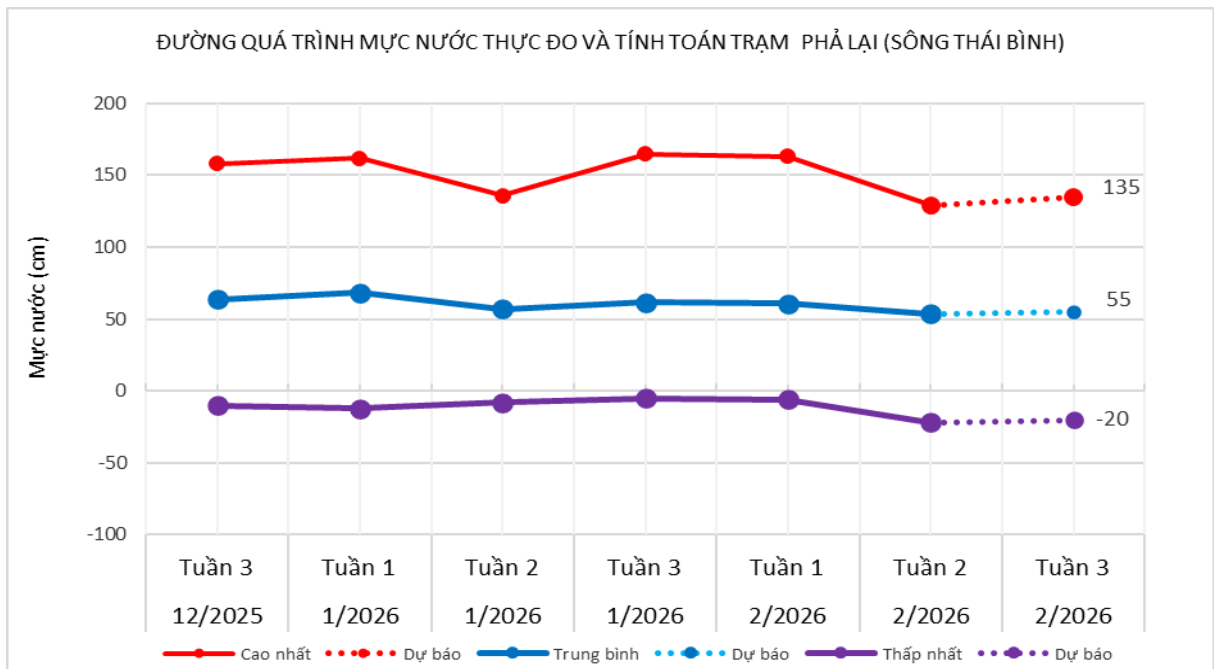
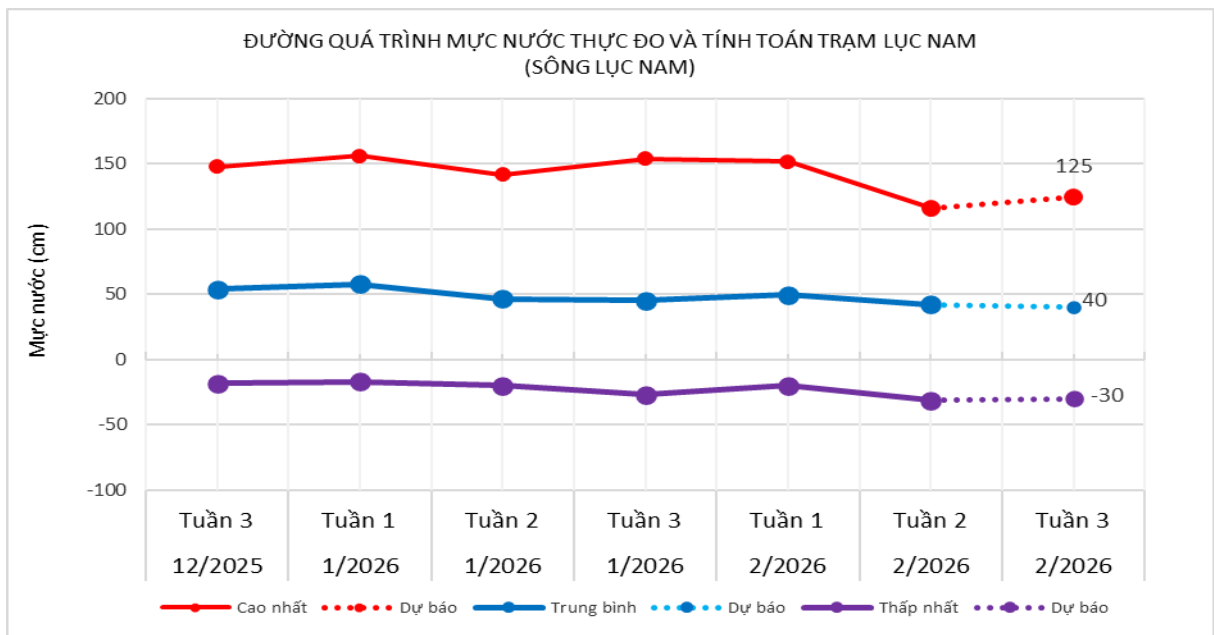
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong 10 ngày qua, trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 8 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

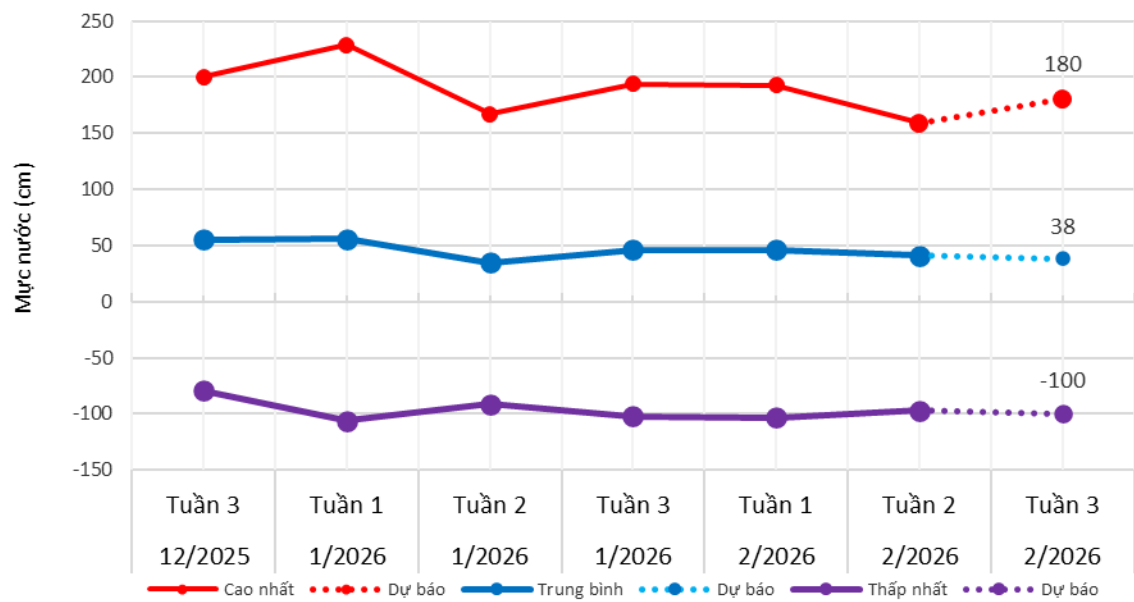
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

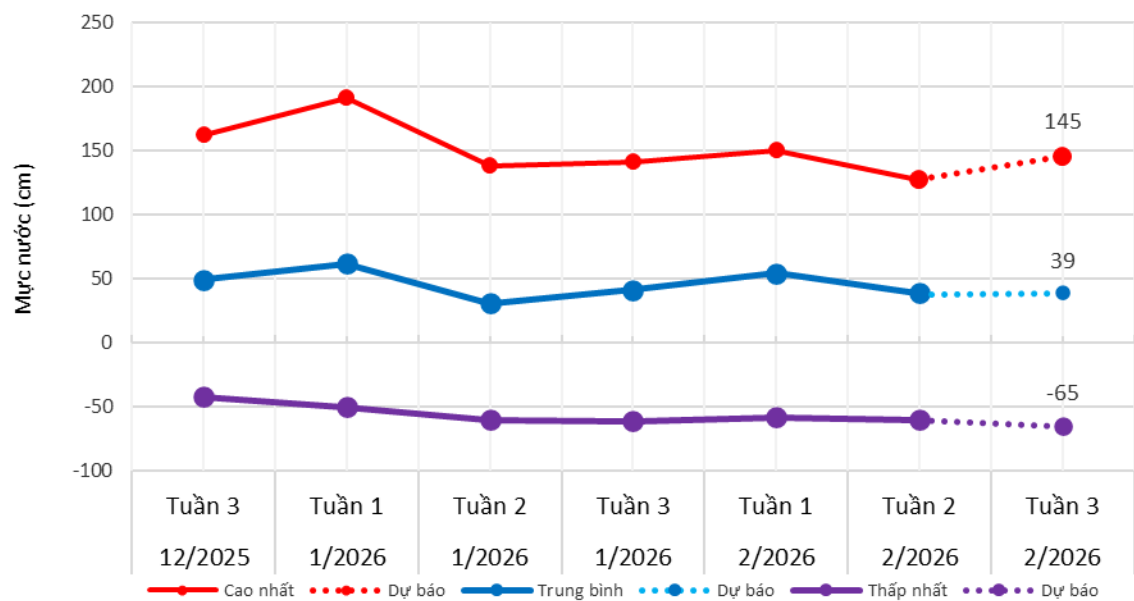
b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

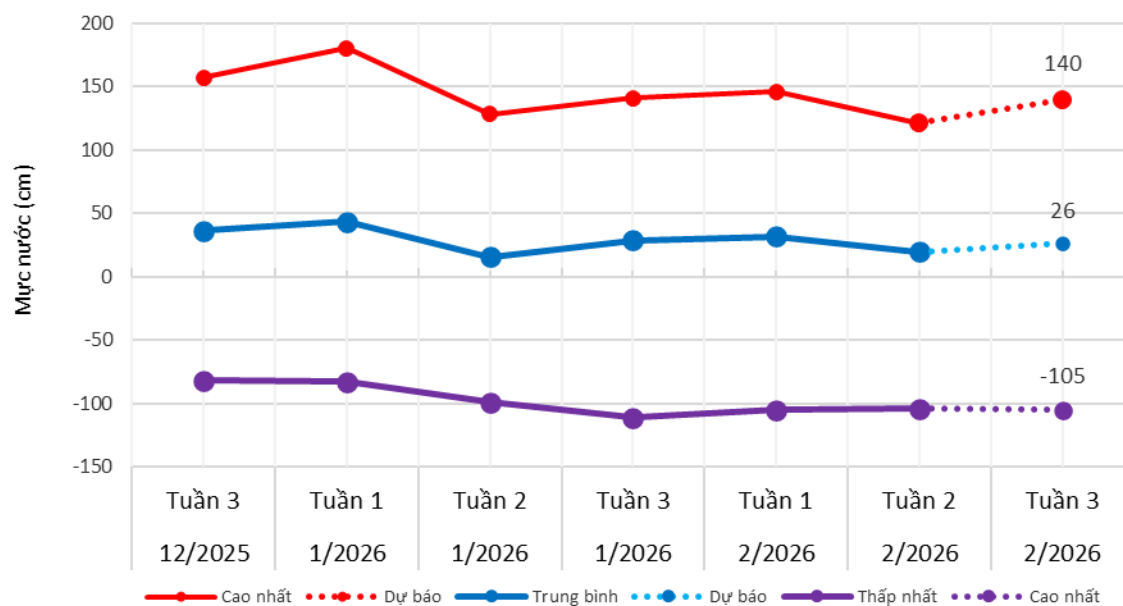
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)



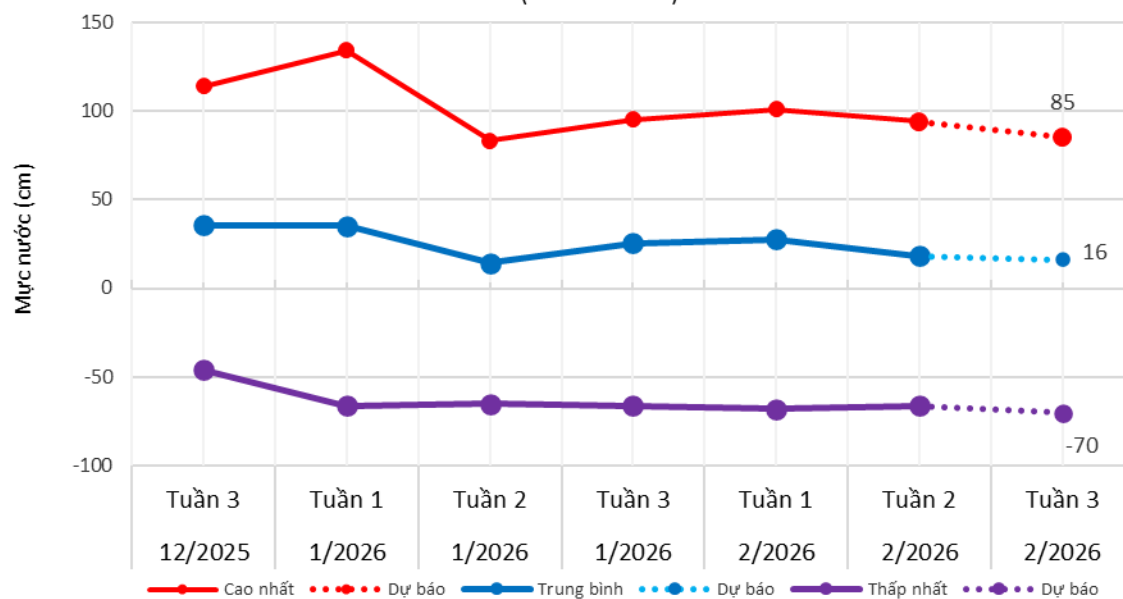
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)

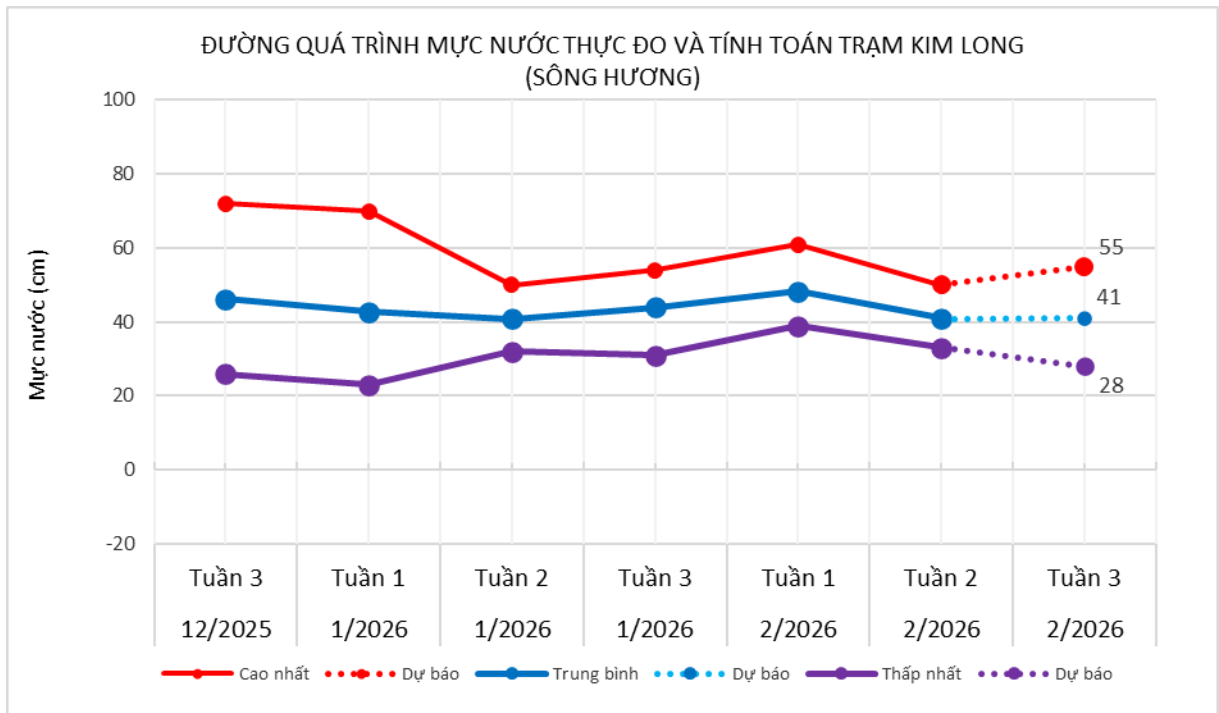


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

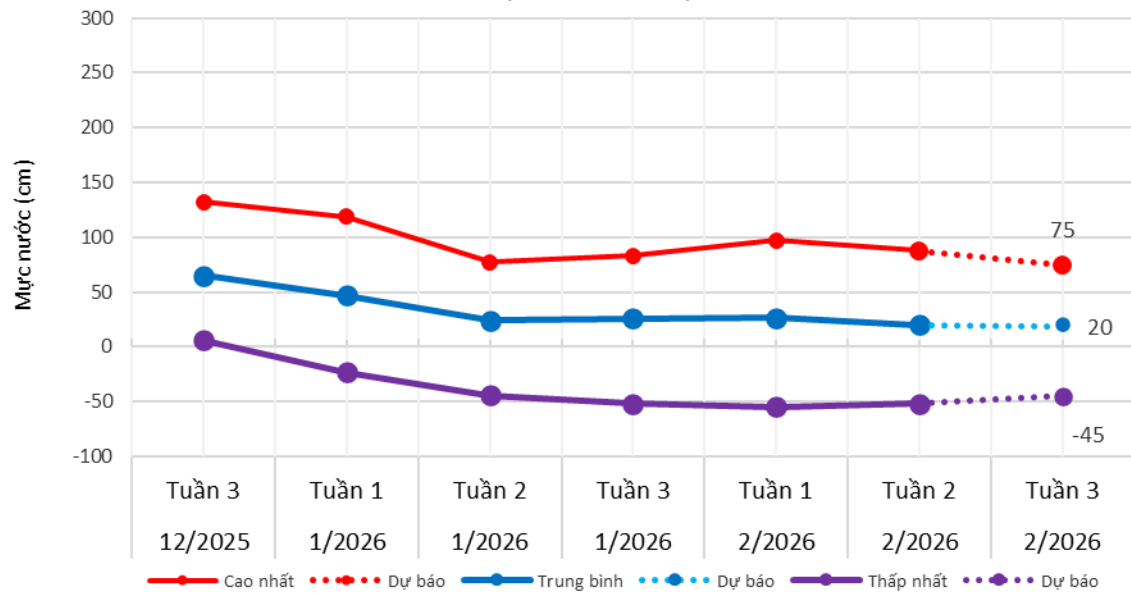
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mức nước trên các sông biến đổi theo xu thế xuống. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

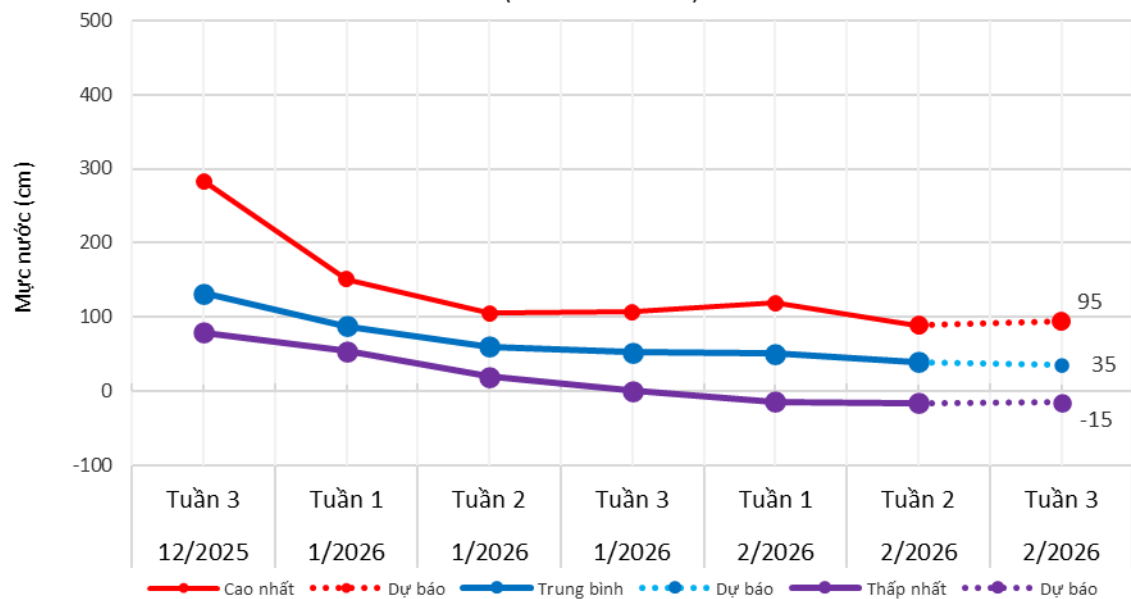
b. Dự báo, cảnh báo

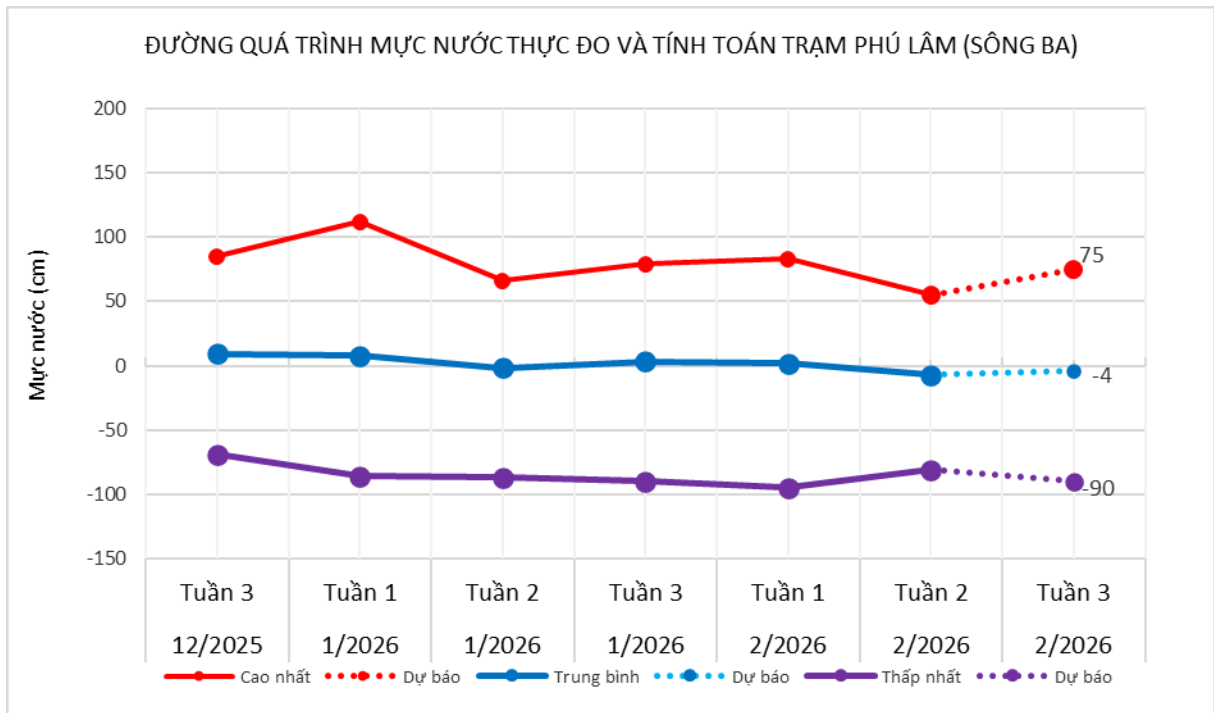
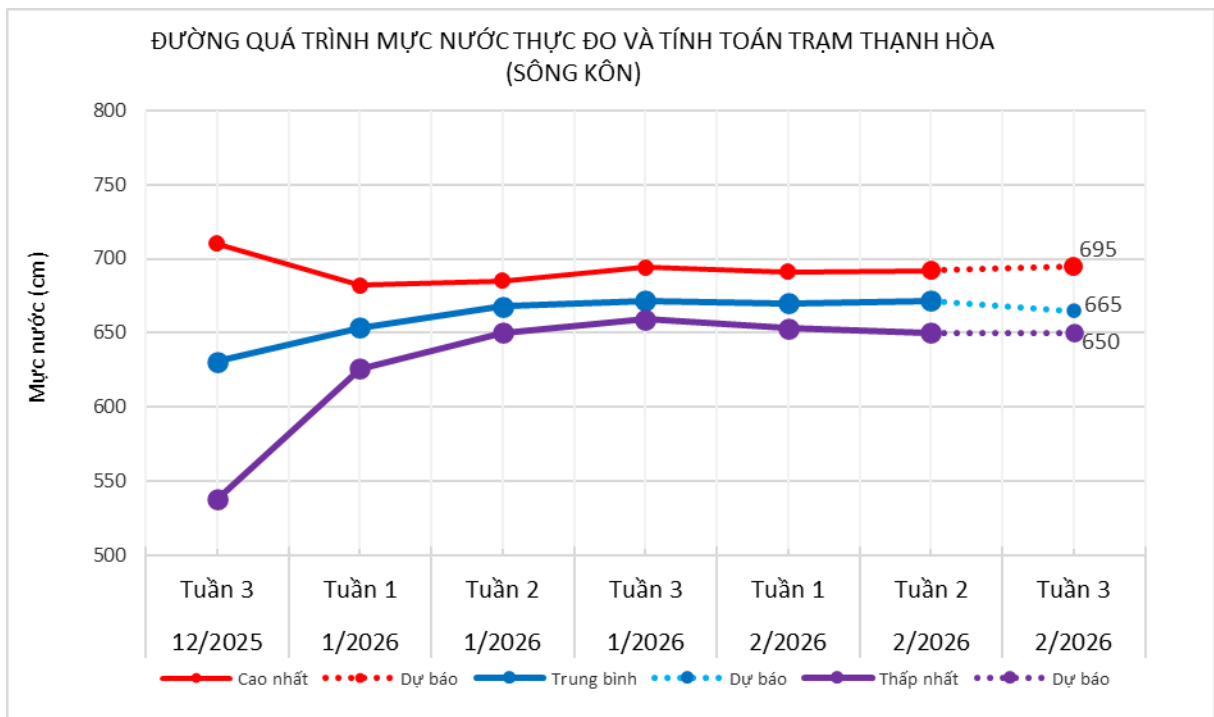
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trên các sông biến đổi chậm.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông lưu biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM CẦU LÂU
(SÔNG THU BỒN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TRÀ KHÚC
(SÔNG TRÀ KHÚC)





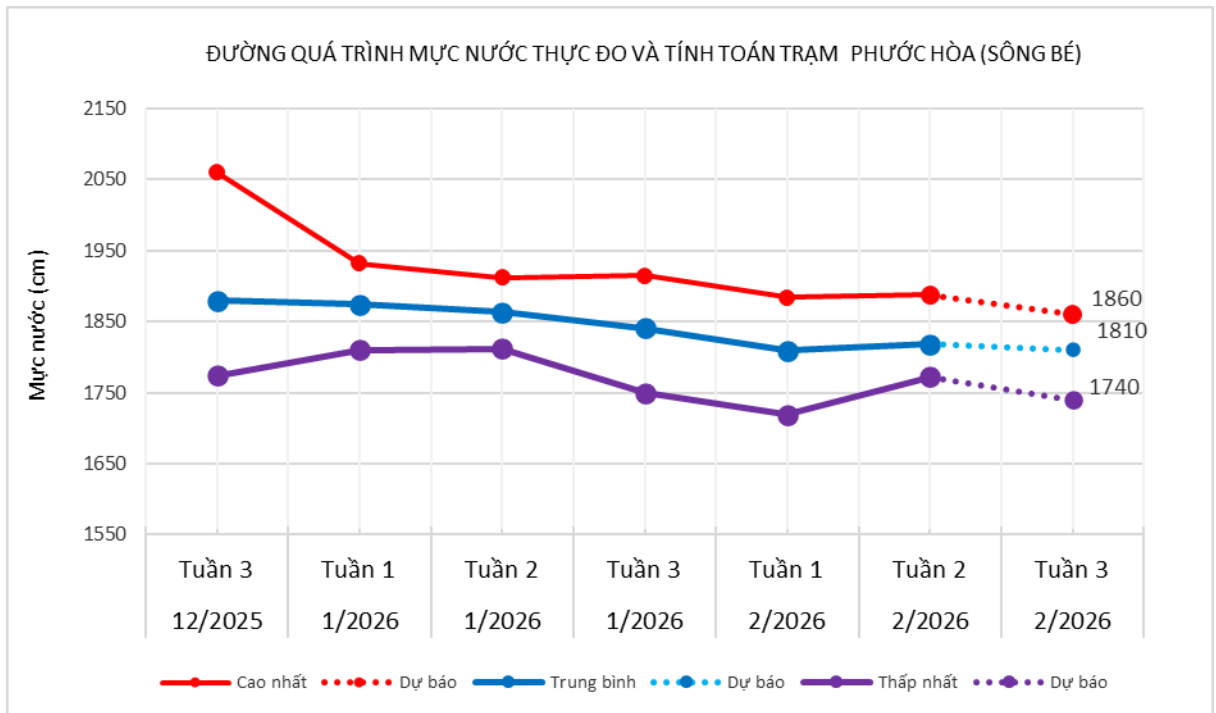
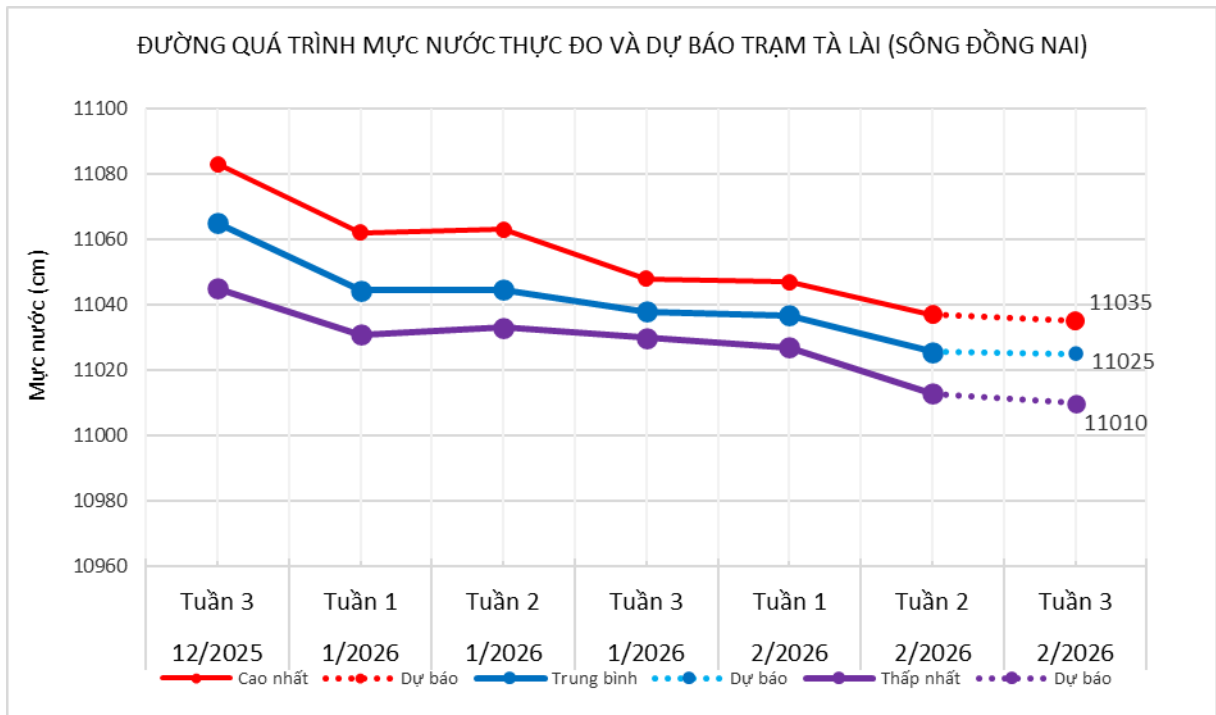
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai biến đổi chậm. Mực nước trên sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Đồng Nai tiếp tục biến đổi chậm, Sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

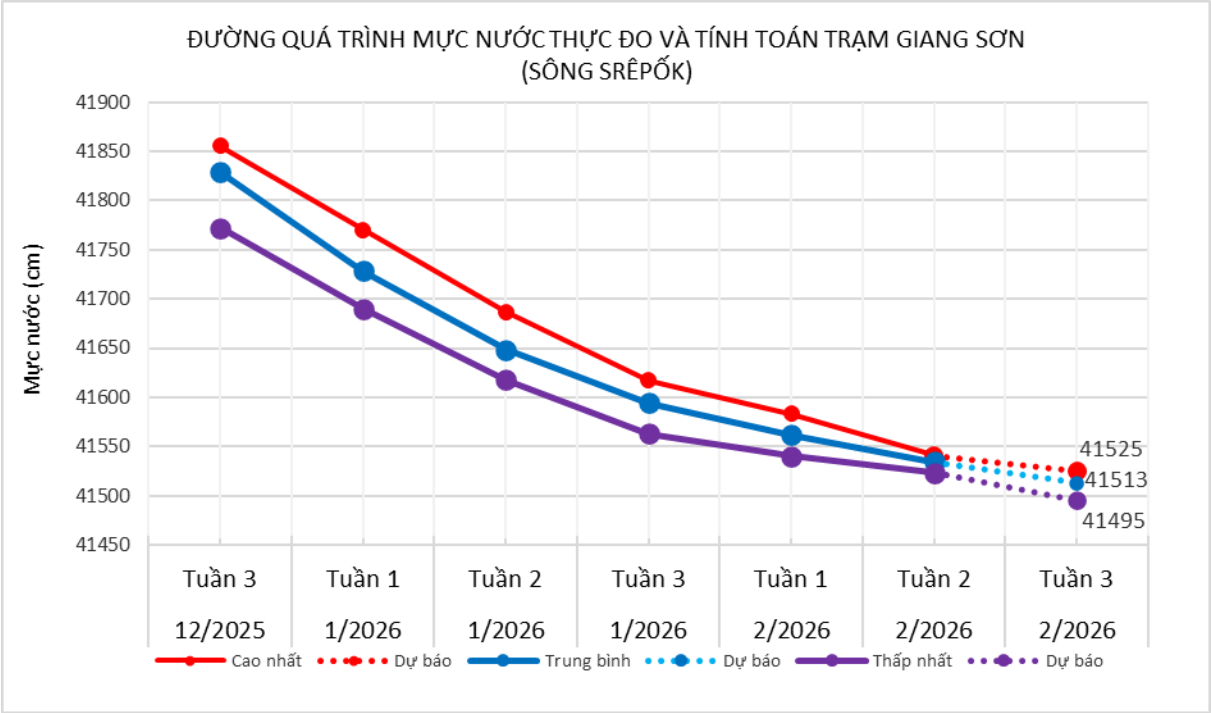
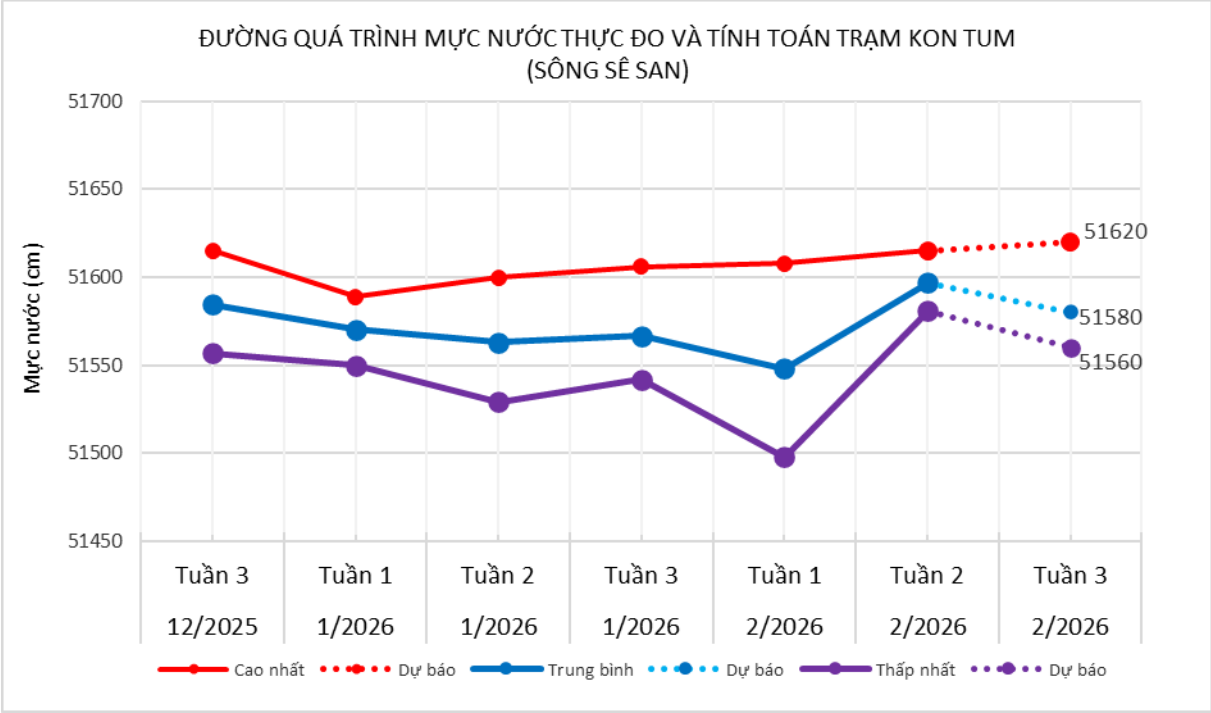
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm, mức nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện.

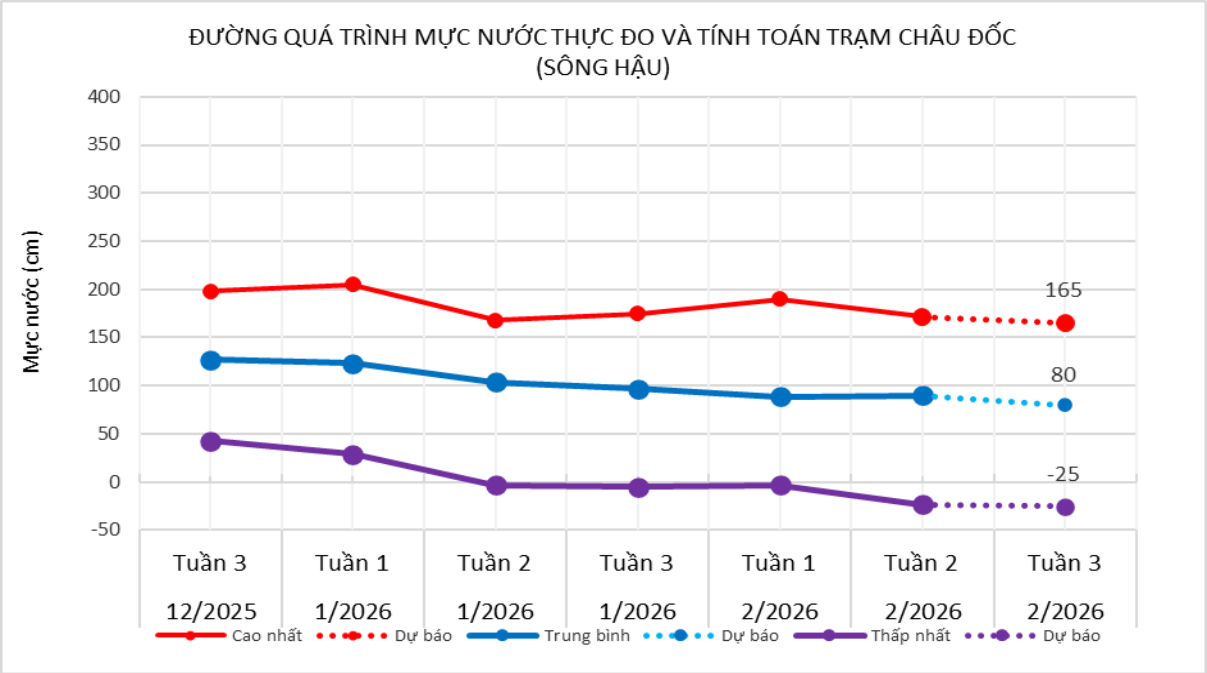
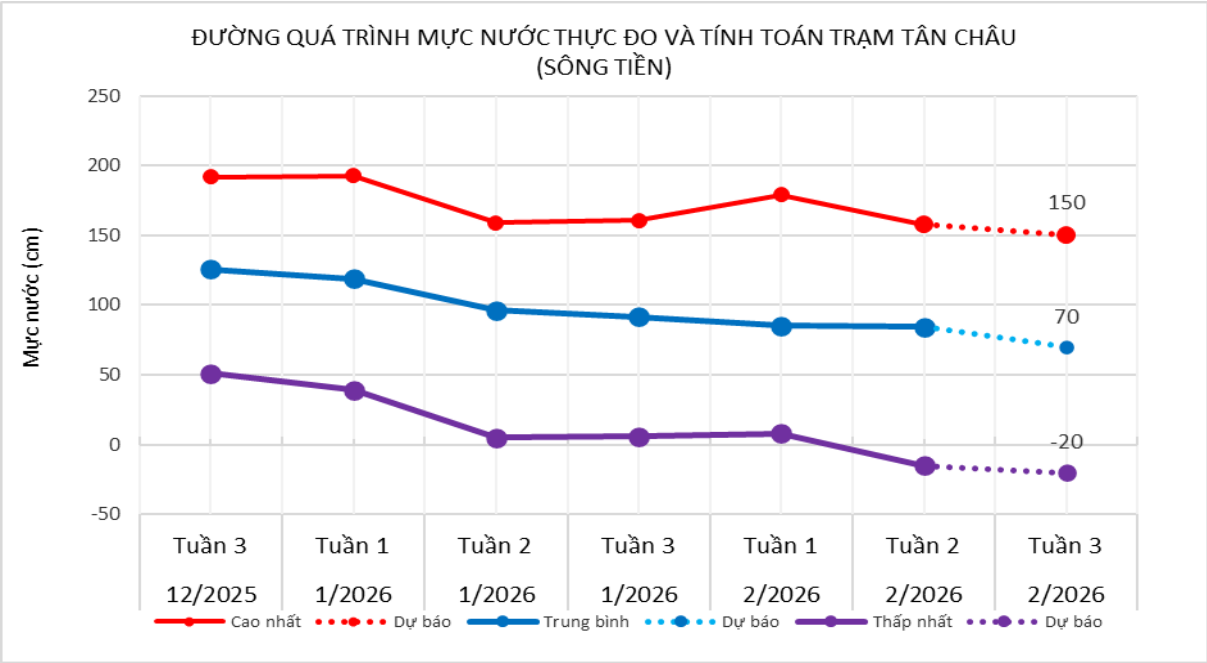
- Mức nước đầu nguồn sông Cù Long dao động theo thủy triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 1,58m (ngày 19/2), trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,72m (ngày 19/2)

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện, mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.

- Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 8 ngày tới, mức nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,50m, tại Châu Đốc ở mức 1,65m. Trong 05 ngày tiếp theo, mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/3/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	669	2032	40	640	1900	40	660	1950	40	650	1950	40
Thao	Yên Bái	2328	2382	2302	2320	2375	2290	2310	2350	2280	2315	2375	2280
Thao	Phú Thọ	1101	1142	1062	1080	1110	1040	1060	1100	1030	1070	1110	1030
Lô	Tuyên Quang	1230	1360	1104	1230	1380	1100	1220	1360	1105	1225	1380	1100
Lô	Vụ Quang	428	447	421	430	475	420	420	470	425	425	475	420
Cầu	Đáp Cầu	64	121	11	65	125	5	55	130	5	60	130	5
Thương	Phủ Lạng Thương	53	118	-16	55	125	-10	45	125	-15	50	125	-15
Lục Nam	Lục Nam	42	116	-31	40	120	-25	40	125	-30	40	125	-30
Hồng	Hà Nội	96	168	29	95	160	40	105	175	45	100	175	40
Thái Bình	Phả Lại	56	129	-22	60	130	-15	50	135	-20	55	135	-20
Mã	Giàng	41	159	-97	36	140	-75	40	180	-100	38	180	-100
Cả	Nam Đàn	39	127	-60	33	95	-50	45	145	-65	39	145	-65
La	Linh cảm	20	121	-104	20	100	-90	32	145	-105	26	140	-105
Gianh	Mai Hóa	18	94	-66	18	75	-60	14	85	-70	16	85	-70
Hương	Kim Long	41	50	33	42	55	30	40	52	28	41	55	28

Thu Bồn	Câu Lâu	21	88	-52	22	70	-35	17	75	-45	20	75	-45
Trà Khúc	Trà Khúc	39	89	-16	38	95	-10	32	90	-15	35	95	-15
Kôn	Thanh Hòa	671	692	650	665	695	655	665	695	650	665	695	650
Đà Rằng	Phú Lâm	-7	55	-81	-5	60	-85	-3	75	-90	-4	75	-90
Đăkbla	Kon Tum	51597	51615	51581	51585	51620	51565	51575	51605	51560	51580	51620	51560
Krông Ana	Giang Sơn	41534	41541	41523	41515	41525	41510	41510	41515	41495	41513	41525	41495
Đồng Nai	Tà Lài	11026	11037	11013	11027	11035	11015	11022	11035	11010	11025	11035	11010
Bé	Phước Hòa	1824	1888	1772	1820	1860	1750	1800	1840	1740	1810	1860	1740
Tiền	Tân Châu	80	158	-15	75	150	-3	65	135	-20	70	150	-20
Hậu	Châu Đốc	89	172	-23	85	165	-7	75	150	-25	80	165	-25